

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST

Ngày 25 - 3 - 2024

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Thị Ngọc Diệp

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Năng Long và bà Hoàng Thị Trang

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Duy, Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư Kuin.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:* Bà Lê Trịnh Xuân Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại Hội trường A, trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 196/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị L.H, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn m, xã C, huyện C, tỉnh Đ. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

* *Bị đơn:* Ông Trần V.H1, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn m, xã C, huyện C, tỉnh Đ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ngô Thị L.H trình bày:*

Bà Ngô Thị L.H và ông Trần V.H1 tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau từ năm 2009 đến năm 2010 thì ông bà tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C theo giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 07/05/2010.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi dẫn đến vợ chồng không thể hòa hợp sống chung với nhau nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, mặc dù được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thể đoàn tụ. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có tình yêu thương, mục đích hôn nhân

không đạt được nên bà Ngô Thị L.H yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với ông Trần V.H1.

- Về con chung: Bà Ngô Thị L.H và ông Trần V.H1 có 02 con chung tên: Trần T.V, sinh ngày 19/02/2010 và Trần Thị T.T, sinh ngày 06/7/2015. Hiện tại các cháu đang ở với nguyên đơn. Sau khi ly hôn bà H có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến khi đủ tuổi thành niên và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và nhiều văn bản tố tụng khác để thông báo cho bị đơn tham gia tố tụng bảo vệ quyền lợi cho mình nhưng bị đơn đều từ chối các văn bản tố tụng, đồng thời vắng mặt tại các buổi làm việc ở Tòa án cũng như tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn. Về con chung giao 02 con chung là cháu Trần T.V, sinh ngày 19/02/2010 và cháu Trần Thị T.T, sinh ngày 06/7/2015 cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn ông Trần V.H1 có địa chỉ nơi cư trú tại Thôn m, xã C, huyện C, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện C căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị L.H và ông Trần V.H1 xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn; ngày 07/05/2010 ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Đ nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tuy nhiên,

trong quá trình chung sống với nhau, nguyên đơn và bị đơn có cuộc sống không hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nên ông bà đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay không thể đoàn tụ. Do đó bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trần V.H1. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Hưng đã vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống, bà H và ông H1 có 02 con chung tên: Trần T.V, sinh ngày 19/02/2010 và Trần Thị T.T, sinh ngày 06/7/2015. Hiện tại các cháu đang ở với bà H, sau khi ly hôn bà H có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến khi đủ tuổi thành niên và không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Theo lời khai của 02 con chung đều trình bày hiện nay đang được bà H nuôi dưỡng và cùng có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy nguyện vọng của các cháu là tự nguyện, để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của các cháu, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao các cháu V và cháu T cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quá trình phát triển toàn diện, bình thường của các con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 235, 238, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị L.H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị L.H được ly hôn ông Trần V.H1.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần T.V, sinh ngày 19/02/2010 và Trần Thị T.T, sinh ngày 06/7/2015 cho bà Ngô Thị L.H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Vì lợi ích của con và theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết

định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà Ngô Thị L.H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0017870 ngày 30/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đ.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND huyện C;
- Chi Cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tạ Thị Ngọc Diệp